

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17/2019/KDTM- ST**
Ngày 21 tháng 8 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Phan Thị Hà**

2. Bà **Trần Thị An**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Lan Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: **18/2018/TLST - KDTM** ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **163/2019/QĐST-KDTM** ngày 07 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: **62/2019/QĐST - HPT** ngày 25 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: **82/2019/QĐST-HPT** ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Y**; Địa chỉ: Tòa tháp BIDV, số 35 phố Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức Tú – Tổng Giám đốc BIDV; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Tiên Dũng – Giám đốc BIVD-Chi nhánh Nam Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Phó Giám đốc chi nhánh, bà Lê Thị Thúy Hà – Trưởng phòng KHDN2, ông Dương Quốc Việt – Phó Trưởng phòng KHDN2, ông Nguyễn Anh Hào – Chuyên viên QLKH – Phòng KHDN2 theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 326/QĐ-BIDV-NHN ngày 24/6/2019. (Ông Việt, ông Hào có mặt)

* Bị đơn: **Công ty Z**; Địa chỉ: số 12 Nguyễn Khắc Hiếu, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 15B P, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội - Chức vụ Giám đốc công ty.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Đoàn Thế T**, sinh năm 1958 và bà **Hoàng Thị Thu H**, sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: số 20, ngõ Vạn Ú, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Ông **Tạ Lưu N**, sinh năm 1956 và bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1961; Hộ khẩu thường trú: Tổ 19, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

3. Ông **Nguyễn Hồng P** và bà **Trần Thanh H**; Hộ khẩu thường trú: Nhà số 3, ngách 83, ngõ G, tổ 10 H, quận H, thành phố Hà Nội.

(Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ ba liên tiếp không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Công ty Z (Sau đây gọi tắt là Công ty Z) có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Y (Sau đây gọi tắt là BIDV) theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số: 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013 với số tiền cho vay là: 12.200.000.000đ (*Mười hai tỷ hai trăm triệu đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11.5%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi Suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013 với số tiền cho vay là: 2.800.000.000đ (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số: 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013 với số tiền cho vay là: 10.000.000.000đ (*Mười tỷ đồng*); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động thanh toán hàng theo hợp đồng kinh tế; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất: lãi suất vay trong hạn: 11%/ năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần tính từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo: áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn cùng loại tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.

Để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của các hợp đồng tín dụng trên, Công ty thiết bị Xây dựng đã ký 03 hợp đồng đảm bảo sau:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 290/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08 tháng 4 năm 2013.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H; tại Lô OBT2, ô số 20, Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND;

- Giá trị tài sản: 15.000.000.000đ (*Mười lăm tỷ đồng*) theo biên bản định giá ngày 08/04/2013.

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;

2. Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 603/2013/HĐTC, quyền số: 01-TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 21 tháng 6 năm 2013.

- Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất ở của ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị H; tại tổ 20, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044.

- Giá trị tài sản: 11.200.000.000đ (*Mười một tỷ hai trăm triệu đồng*) (theo biên bản định giá ngày 20/06/2013).

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất – UBND quận C ngày 25/06/2013.

3. Hợp đồng thế chấp số: 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013

- Tài sản thế chấp: Xe ô tô 05 chỗ Honda Accord thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng P và bà Trần Thanh H.

- Giấy tờ sở hữu thế chấp: Theo giấy đăng ký xe số 129768 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 05/06/2013, Biển kiểm sát 29A-783.43, số khung: RKTCP1630AF010297, số máy: R20A33820281.

- Giá trị tài sản: 850.000.000đ (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*) (theo biên bản định giá ngày 20/11/2013).

- Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản – Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm – Hà Nội ngày 21/11/2013.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, BIDV đã giải ngân cho Công ty thiết bị xây dựng số tiền 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) theo các bảng kê rút vốn (giấy nhận nợ) ngày 11/7/2013, ngày 25/7/2013, ngày 14/8/2013, ngày 30/8/2013 và ngày 21/11/2013. Tuy nhiên, Công ty Thiết bị Xây dựng đã không thực hiện đúng các thỏa thuận, cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký với BIDV và để phát sinh nợ quá hạn với tổng dư nợ tính đến ngày 31/05/2019 là: 31.969.955.866 đ (*Ba mươi một tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng*) (trong đó nợ gốc là 15.699.459.000 đồng; lãi trong hạn là: 11.420.896.429 đồng và lãi quá hạn là 4.849.600.437 đồng).

Đến ngày 31/05/2019 BIDV đã xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng P và bà Trần Thanh H theo Giấy đăng ký xe số 129768 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29A- 783.43, số máy: R20A33820281, số khung: RKTCP1630A – F010297 theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013, để thanh toán số tiền gốc là 400.541.000 đồng.

Vì vậy tài sản bảo đảm hiện tại của Công ty thiết bị Xây dựng gồm:

- Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H; tại Lô OBT2, ô số 20, Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H để đảm bảo cho nợ gốc là 8.000.000.000 đồng và nợ lãi là 8.135.248.433 đồng;

- Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất ở của ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị H; tại tổ 20, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị Thu Hường để đảm bảo cho nợ gốc là 7.699.459.000 đồng và nợ lãi là 8.135.248.433 đồng.

BIDV không yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng P và bà Trần Thanh H theo Giấy đăng ký xe số 129768 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29A-

783.43, số máy: R20A33820281, số khung: RKTCP1630A – F010297 theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013.

Do vậy, BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Thiết bị Xây dựng trả toàn bộ số tiền còn nợ tại BIDV. Tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 21/8/2019 là: 32.669.366.765 đ (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) (trong đó nợ gốc là 15.699.459.000 đồng; lãi trong hạn là: 11.887.170.362 đồng và lãi quá hạn là 5.082.737.403 đồng). Lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký; lãi chậm thi hành án kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi thi hành xong bản án, phí và lệ phí liên quan nếu có.

2. Trong trường hợp Công ty thiết bị Xây dựng không trả được nợ, BIDV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi các khoản vay nợ của Công ty.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Hồng P trình bày:

Năm 2013, ông Phong và vợ là bà Trần Thanh H có ký Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013 về việc thế chấp xe ô tô Honda Accord BKS 29A-783.43, số máy: R20A33820281, số khung: RKTCP1630A – F010297 đăng ký số 129768 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, chủ sở hữu là ông Nguyễn Hồng P để đảm bảo cho khoản vay của Công ty thiết bị Xây dựng tại BIDV. Ông Phong được biết đến nay Công ty thiết bị Xây dựng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với BIDV. Trong trường hợp Công ty thiết bị Xây dựng không trả được nợ cho BIDV đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do ông Phong bận công việc không thể đến Tòa án nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải, xem xét thẩm định và phiên tòa xét xử tại Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Thông báo về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt lần thứ ba liên tiếp không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai

tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét quyền lợi của các đương sự và tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là đúng quy định.

+ Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn chưa chấp hành các thông báo của Tòa án, dẫn đến vụ án bị kéo dài thời hạn xét xử.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai trình bày của các đương sự, tài liệu về Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Buộc Công ty Thiết bị Xây Dựng phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/8/2019 là: 32.669.366.765 đ (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) (trong đó nợ gốc là 15.699.459.000 đồng; lãi trong hạn là: 11.887.170.362 đồng và lãi quá hạn là 5.082.737.403 đồng).

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: - Bị đơn là Công ty Thiết bị Xây dựng có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 12 Nguyễn Khắc Hiếu, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân

sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

- Bị đơn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, nhưng không thông báo cho ngân hàng và những người liên quan được biết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo hợp lệ tại địa chỉ kinh doanh của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy nhiên các đương sự vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Việc ký kết các Hợp đồng tín dụng số 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11/7/2013; Hợp đồng tín dụng số 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30/8/2013; Hợp đồng tín dụng số 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21/11/2013 giữa BIDV với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay, các bên đã tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì BIDV có quyền yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

BIDV đã xử lý được tài sản bảo đảm là Xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu Honda Accord thuộc sở hữu của ông Nguyễn Hồng P và bà Trần Thanh H theo Giấy đăng ký xe số 129768 do Công an Hà Nội cấp ngày 05/6/2013, BKS 29A- 783.43, số máy: R20A33820281, số khung: RKTCP1630A-F010297 theo Hợp đồng thế chấp số 1512/2013/HĐTC ngày 20/11/2013, vì vậy BIDV không yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo trên. Do đó tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay tại các hợp đồng tín dụng giữa Công ty thiết bị Xây dựng và BIDV thời điểm hiện tại bao gồm:

- Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H; tại Lô OBT2, ô số 20, Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H;

- Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất ở của ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị H; tại tổ 20, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị Thu Hường.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/8/2014. Mặc dù BIDV đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên BIDV khởi kiện đến Tòa án. Việc Ngân hàng khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342, 343, 348, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y;

Buộc Công ty Z phải trả Ngân hàng Y tổng số tiền nợ gốc theo các Hợp đồng tín dụng số 03/2013/4755299/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2013; Hợp đồng tín dụng số 04/2013/4755299/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013; Hợp đồng tín dụng số 05/2013/4755299/HĐTD ngày 21 tháng 11 năm 2013 tạm tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2019 là: 15.699.459.000 đồng (*Mười lăm tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*);

Buộc Công ty Z phải trả Ngân hàng Y số tiền nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày xét xử là: 16.969.907.765 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm linh bảy nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 11.887.170.362 đồng và lãi quá hạn là 5.082.737.403 đồng;

Tổng số tiền Công ty Z phải trả Ngân hàng Y tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 32.669.366.765 đồng (*Ba mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2019, Công ty Z còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Y theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp Công ty Z không trả được nợ, Ngân hàng Y có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ bao gồm:

- Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H; tại Lô OBT2, ô số 20, Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số: BN793605 do UBND quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cấp ngày 02/04/2013, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH01756/CĐ/176; hồ sơ gốc số 10123290717 cấp ngày 01/12/2004 theo quyết định số 1895/QĐ-UBND cho ông Đoàn Thế T và bà Hoàng Thị Thu H;

- Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất ở của ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị H; tại tổ 20, phường N, quận C, thành phố Hà Nội; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số AB523086 do UBND quận C cấp ngày 10/06/2005, vào sổ số: 0662.2005/QĐUB/0193, mã số: 1570044 cho ông Tạ Lưu N và bà Phạm Thị Thu Hường.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Z phải chịu 140.669.367 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng Y không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **70.000.000 đồng** (*Bảy mươi triệu đồng*) theo biên lai thu số **8366** ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 21 tháng 8 năm 2019. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long